ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 10/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 07h00 * Ngày thi: 18/10/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29204556752	Lê Thị Lan	Anh	29/11/2005	Quảng Trị	32TSC7	10.0	9.3	Đạt	
2	29202759417	Nguyễn Ngọc Hoài	Anh	06/05/2005	Quảng Trị	32TSC7	V	V	Không Đạt	
3	27215302730	Nguyễn Ngọc	Bảo	29/07/2003	Đà Nẵng	32SHT5	V	V	Không Đạt	
4	29208157301	Lê Thị Bảo	Châu	02/12/2005	Quảng Nam	32SHT5	7.3	8.0	Đạt	
5	29206659205	Trần Thị Kim	Chung	11/08/2005	Quảng Nam	32TSC7	10.0	8.3	Đạt	
6	28214351362	Mai Tấn	Công	27/07/2004	Đà Nẵng	32CYC4	6.7	5.4	Đạt	
7	28208403789	Phạm Thị Thúy	Diễm	04/06/2004	Quảng Nam	32CYC4	4.7	2.3	Không Đạt	
8	30206553167	Nguyễn Thị Hồng	Diệu	18/05/2006	Đà Nẵng	32SHT5	9.3	5.3	Đạt	
9	29214652025	Nguyễn Trung	Đức	01/09/2005	Gia Lai	32TSC7	7.0	7.3	Đạt	
10	29204742815	Phạm Phương	Duyên	16/11/2005	Quảng Nam	32CYC4	7.3	7.6	Đạt	
11	29204154642	Nguyễn Thị Hà	Giang	27/02/2005	Quảng Nam	32CYC4	5.3	5.8	Đạt	
12	29209420311	Phạm Nguyễn Kỳ	Giang	30/07/2005	Quảng Ngãi	32TSC7	9.7	8.3	Đạt	
13	28219502272	Tô Châu Hồng	Hạc	01/11/2004	Gia Lai	32CYC4	8.7	8.9	Đạt	
14	28206252353	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	26/04/2002	Quảng Trị	32SHT5	8.7	5.0	Đạt	
15	28204151202	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/09/2004	Quảng Nam	32SHT5	8.7	9.8	Đạt	
16	29216637456	Mạc Như	Hiếu	01/08/2005	Đà Nẵng	32TSC7	5.3	5.4	Đạt	
17	27213252833	Mai Kiều	Hoa	05/08/2003	Đà Nẵng	32SHT5	V	V	Không Đạt	
18	29206265096	Võ Thị	Hoa	08/10/2005	Quảng Nam	32CYC4	10.0	5.8	Đạt	
19	31204440811	Nguyễn Thị	Hoà	22/04/2007	Quảng Trị	32SHT5	8.7	7.5	Đạt	
20	29207235504	Nguyễn Thị Hải	Hồng	02/06/2005	Đà Nẵng	32CYC4	9.7	6.0	Đạt	
21	29204150053	Phạm Ngọc	Hương	17/10/2005	Quảng Bình	32TSC7	9.0	7.8	Đạt	
22	29206247194	Trần Xuân	Hương	23/10/2005	Bình Định	32CYC4	6.0	4.0	Không Đạt	
23	29206248945	Võ Thị Quỳnh	Hương	13/11/2005	Quảng Nam	32CYC4	9.0	5.4	Đạt	
24	28211105632	Hồ Quốc	Huy	19/04/2004	Đà Nẵng	32CYC4	6.0	5.8	Đạt	
25	28214606792	Phạm Quốc	Huy	01/01/2004	Đà Nẵng	32SHT5	5.3	4.0	Không Đạt	
26	28204525007	Phạm Thị Lệ	Huyền	14/02/2004	Đăk Lăk	31CSC9	6.3	3.3	Không Đạt	
27	29216665076	Hoàng Phạm	Kiên	17/02/2005	Gia Lai	32TSC7	8.7	9.4	Đạt	
28	29218030644	Nguyễn Văn Trung	Kiên	13/01/2005	Kon Tum	32SHT5	3.0	3.4	Không Đạt	
29	29202700130	Nguyễn Thị My	Lan	07/04/2005	Đà Nẵng	32TSC7	8.0	4.3	Không Đạt	
30	29204357917	Nguyễn Thị	Linh	05/03/2005	Phú Yên	32TSC7	8.3	7.1	Đạt	
31	29206634431	Nguyễn Thị	Linh	03/01/2005	Đắk Lắk	32TSC7	7.7	5.3	Đạt	
32	29206629977	Phan Thị Thanh	Ngân	30/04/2005	Gia Lai	32TSC7	7.7	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29204659039	Bùi Thị Thảo	Nguyên	09/08/2005	Quảng Nam	32TSC7	6.7	5.9	Đạt	
34	28204606744	Dương Vỏ Thảo	Nguyên	13/06/2004	Quảng Nam	32CHT1	8.0	5.0	Đạt	
35	27212424015	Nguyễn Đức	Nguyên	30/10/2003	Quảng Trị	32CHT5	V	V	Không Đạt	
36	28214347701	Phạm Văn	Nhân	06/11/2003	Quảng Nam	32SHT5	7.0	6.9	Đạt	
37	29207255384	Dương Yến	Nhi	25/11/2005	Hà Tĩnh	32CYC4	7.7	6.0	Đạt	
38	29202757665	Nguyễn Linh	Nhi	02/06/2005	Gia Lai	32SHT5	8.7	6.5	Đạt	
39	29206550249	Nguyễn Ngọc	Nhi	25/07/2005	Gia Lai	32TYC6	6.0	5.3	Đạt	
40	29204664667	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	28/10/2005	Quảng Nam	32TSC7	V	V	Không Đạt	
41	29206639372	Võ Thị Yến	Nhi	14/08/2005	Quảng Nam	32TSC7	7.3	5.6	Đạt	
42	30206550619	Nguyễn Thị Yến	Như	25/06/2006	Đà Nẵng	32SHT5	9.0	6.8	Đạt	
43	30206754965	Trần Thị Quỳnh	Như	24/08/2006	Quảng Nam	32CBN3	8.3	5.5	Đạt	
44	29203480383	Nguyễn Thị Xuân	Ny	21/09/2005	Đà Nẵng	32CYC4	9.7	6.0	Đạt	
45	29208063142	Nguyễn Kim	Oanh	04/04/2005	Phú Yên	32SHT5	8.3	6.3	Đạt	
46	29208127664	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	14/04/2005	Quảng Ngãi	32TYC6	8.0	3.9	Không Đạt	
47	27215242194	Trần Lê Hoàng	Phát	07/05/2003	Khánh Hòa	30CBN3	5.3	3.3	Không Đạt	
48	29206555076	Hoàng Thị Diễm	Phúc	30/03/2005	Quảng Nam	32CYC4	9.0	6.9	Đạt	
49	29207257112	Lê Trương Minh	Phương	20/04/2005	Quảng Nam	32CYC4	9.3	5.6	Đạt	
50	27214335689	Nguyễn Thành	Phương	15/12/2003	Đà Nẵng	32SHT5	V	V	Không Đạt	
51	29208222385	Nguyễn Thị Hoài	Phương	18/06/2005	Đà Nẵng	32TSC6	8.0	6.8	Đạt	
52	29208056450	Phan Thị Ngọc	Phương	30/05/2005	Bình Định	32CYC4	3.7	5.0	Không Đạt	
53	27205230090	Đinh Nguyễn Minh	Quý	29/05/2003	Lâm Đồng	32TYC3	6.7	5.0	Đạt	
54	29208248280	Phan Tâm Nhi	Quỳnh	14/01/2004	Đà Nẵng	32THT8	9.7	4.0	Không Đạt	
55	28218004945	Ngô Anh	Sơn	27/05/2001	Đà Nẵng	32CYC4	9.3	8.8	Đạt	
56	29204455080	Nông Thị Thuỳ	Sương	15/10/2005	Đắk Lắk	32TSC7	9.3	7.3	Đạt	
57	28206502854	Phan Thị Tuyết	Sương	25/11/2004	Quảng Nam	32SHT5	8.7	7.5	Đạt	
58	29216658706	Trương Thành	Tài	19/05/2005	Quảng Nam	32TSC7	6.7	9.4	Đạt	
59	29204621592	Hồ Thanh Thanh	Tâm	22/07/2005	Gia Lai	32TSC7	10.0	9.4	Đạt	
60	29214756168	Lê Thanh	Tâm	22/12/2005	Quảng Trị	32TSC7	8.7	9.5	Đạt	
61	29204644159	Trần Thị Thanh	Tâm	31/10/2005	Quảng Trị	32TSC7	8.0	9.8	Đạt	
62	29204658556	Dương Thị Anh	Thư	13/02/2005	Quảng Nam	32TSC7	10.0	9.8	Đạt	
63	28205245615	Nguyễn Anh	Thư	09/05/2004	Đà Nẵng	31TBN11	7.0	V	Không Đạt	
64	29206140978	Nguyễn Thị Anh	Thư	16/02/2005	Quảng Nam	32TSC7	7.0	6.0	Đạt	
65	29208156342	Trương Hoàng Minh	Thư	05/08/2005	Quảng Ngãi	32SHT5	9.3	5.3	Đạt	
66	30206754991	Trương Thị Minh	Thư	22/01/2006	Quảng Nam	32CBN4	10.0	5.3	Đạt	
67	27215354169	Nguyễn Thu	Trà	12/08/2003	Hà Nội	32CBN3	8.7	6.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	29206659297	Dương Nguyễn Cẩm	Trâm	18/03/2005	Đà Nẵng	32TSC7	9.0	2.5	Không Đạt	
69	29204335928	Hồ Kiều	Trâm	27/09/2005	Quảng Nam	32CSC2	6.7	5.3	Đạt	
70	29202734537	Nguyễn Phạm Quỳnh	Trâm	22/09/2005	Đà Nẵng	32TSC7	10.0	9.8	Đạt	
71	29204122457	Võ Thị	Trâm	07/11/2005	Quảng Ngãi	32TSC7	10.0	8.6	Đạt	
72	29202930444	Lê Bảo	Trân	01/08/2005	Đà Nẵng	32TSC7	9.3	8.3	Đạt	
73	29204764382	Lê Nguyễn Bảo	Trân	04/10/2005	Đà Nẵng	32TBN7	9.0	6.8	Đạt	
74	28206252622	Dương Thị Kiều	Trang	15/11/2004	Đà Nẵng	32CYC4	4.0	5.0	Không Đạt	
75	29204661823	Nguyễn Thị Hà	Trang	20/04/2005	Gia Lai	32TSC7	9.3	7.4	Đạt	
76	29204764172	Bạch Thị Thu	Triệu	02/10/2005	Quảng Ngãi	32TBN7	9.3	5.8	Đạt	
77	28216706555	Võ Viết	Tú	23/04/2002	Quảng Trị	32TYC2	8.0	5.5	Đạt	
78	29209421372	Hồ Như Trúc	Viên	18/01/2005	Bình Định	32SHT5	6.3	5.3	Đạt	
79	28212304132	Phạm Lâm	Vũ	16/04/2004	Đà Nẵng	31SBN10	5.0	3.3	Không Đạt	
80	29206754741	Nguyễn Thị Nhật	Vy	10/10/2005	Đà Nẵng	32SHT5	4.7	3.5	Không Đạt	
81	29204658920	Nguyễn Thị Tường	Vy	03/10/2005	Quảng Nam	32TSC7	9.7	9.6	Đạt	
82	28208103539	Phạm Thị Diễm	Vy	21/12/2004	Quảng Ngãi	32SHT5	4.3	2.4	Không Đạt	
83	29206843392	Hồ Thị Như	Ý	27/04/2005	Quảng Ngãi	32CYC4	3.7	3.0	Không Đạt	
84	29206230753	Lê Thị Như	Ý	03/05/2005	Bình Định	32CYC4	V	V	Không Đạt	
85	28204645039	Nguyễn Ngọc Bảo	Yến	31/03/2004	Nghệ An	32SHT5	8.0	6.1	Đạt	
86	29204650878	Phạm Thị Hải	Yến	22/06/2005	Hải Dương	32CYC4	8.0	7.1	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh